

- Do đặc thù ngành sản xuất xi măng là ngành công nghiệp nặng, máy móc hỏng hóc nhiều cán bộ công nhân viên phải làm việc cường độ cao trong quá trình vận hành và sửa chữa nên số lượng nghỉ việc nhiều dẫn đến công ty phải thường xuyên tuyển dụng và đào tạo cũng ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.

## PHẦN THỨ II

### PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ NĂM 2019

Năm 2018 công ty đã hoàn thành dự án cải tạo thiết bị công nghệ, tiết kiệm năng lượng nâng cao hiệu quả kinh tế, đảm bảo môi trường của nhà máy xi măng Nam Sơn. Theo định hướng phấn đấu ở mức cao của HĐQT, Ban Giám đốc xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019 như sau:

#### 1. Kế hoạch sản xuất kinh doanh và các giải pháp tổ chức thực hiện.

Nhà máy Xi măng Nam Sơn tập trung sản xuất, vận hành dây chuyền thiết bị an toàn, nâng cao năng suất và ổn định chất lượng, đảm bảo phát huy hiệu quả của công trình đầu tư, phấn đấu đạt các mục tiêu chủ yếu sau:

- Sản xuất clinker : 720.000 tấn.
- Doanh thu (trước thuế) : 490,909 tỷ đồng
- Lợi nhuận (sau thuế) : 5,496 tỷ đồng
- Thu nhập bình quân đầu người : 7,3 triệu đồng/tháng

#### 2. Kế hoạch đầu tư.

- Năm 2019 công ty tiếp tục đầu tư và hoàn thiện dự án nhà máy nhiệt điện tận dụng khí thải nhằm tiết kiệm năng lượng nâng cao hiệu quả kinh tế của nhà máy xi măng Nam Sơn.

#### 3. Các giải pháp để triển khai thực hiện kế hoạch .

Để phấn đấu hoàn thành và hoàn thành vượt mức các mục tiêu kế hoạch đã đặt ra, HĐQT, Ban Giám đốc kịp thời nắm bắt các thông tin, đưa ra các giải pháp phù hợp với từng thời điểm, từng giai đoạn, chỉ đạo tập thể CBCNLD công ty phấn đấu, thực hiện các giải pháp, kế hoạch đề ra. Trước mắt HĐQT, Ban Giám đốc đưa ra các giải pháp triển khai thực hiện kế hoạch như sau:

- Tập trung vào nhân tố con người. Cụ thể :
  - + Có chính sách thu hút người có trình độ, kinh nghiệm và tay nghề cao.
  - + Mạnh dạn đề bạt các cán bộ trẻ, khỏe, có trình độ, tinh thần trách nhiệm và nhiệt huyết với công việc. Đồng thời cũng kiên quyết miễn nhiệm, bố trí làm các công việc khác đối với những cán bộ có biểu hiện thiếu tinh thần trách nhiệm, lơ là trong công việc.
  - + Tổ chức đào tạo mới, đào tạo lại, đào tạo bổ sung đối với những cán bộ, nhân viên nghiệp vụ có tinh thần trách nhiệm cao nhưng còn yếu, thiếu về trình độ chuyên môn.
  - + Cần kết hợp hài hòa biện pháp giáo dục, hành chính và biện pháp kinh tế (chính sách về tiền lương, tiền thưởng) để động viên người lao động yên tâm làm việc, nâng cao tinh thần trách nhiệm, chủ động tự giác thực hiện nhiệm vụ của mình với năng suất, chất lượng và hiệu quả cao nhất.

- Công tác đầu tư:

Lập kế hoạch tiến độ đối với các nhà thầu để đảm bảo hoàn thành xong dự án nhà máy nhiệt điện tận dụng khí thải tại Nhà máy xi măng Nam Sơn trong năm 2018

- Công tác chỉ đạo sản xuất :



+ Cần phải thay đổi phong cách làm việc của một số cán bộ quản lý theo hướng phải giải quyết công việc có kế hoạch, nhanh gọn, dứt điểm và có tiến độ rõ ràng.

+ Các cán bộ quản lý cần phải sâu sát với thực tế sản xuất, nắm bắt các thông tin đầy đủ, chính xác, kịp thời đồng thời tìm hiểu những yếu tố, nguyên nhân tạo nên những thành tích cũng như những tồn tại, khuyết điểm trong quá trình sản xuất. Từ đó có các biện pháp khuyến khích, động viên hoặc chấn chỉnh kịp thời đảm bảo cho sản xuất phát triển với hiệu quả kinh tế cao nhất.

+ Cán bộ quản lý sản xuất cần xây dựng những kế hoạch công việc, sản lượng để chủ động toàn bộ quá trình sản xuất của bộ phận mình nhằm phát huy cao độ công suất của máy móc thiết bị.

- Công tác khoa học kỹ thuật:

+ Cần phải cập nhật những kiến thức khoa học kỹ thuật mới, học hỏi các kinh nghiệm của các nhà máy có bề dày kinh nghiệm đồng thời phát huy các phong trào sáng kiến cải tiến kỹ thuật nhằm nâng cao năng suất lao động, chất lượng sản phẩm, giảm chi phí sản xuất, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.

+ Thường xuyên tổ chức các lớp học, các cuộc họp rút kinh nghiệm, các cuộc hội thảo xung quanh chủ đề quy trình kỹ thuật và kinh nghiệm vận hành dây chuyền sản xuất nhằm nâng cao công suất máy móc thiết bị và chất lượng sản phẩm, phát huy tối đa công suất của dây chuyền.

- Công tác kinh doanh : Do trên thị trường đã có những thay đổi trong phương thức mua bán, giá cả tăng, nguồn vốn khó khăn nên trong kinh doanh cần có những thay đổi cho phù hợp với thị trường hiện tại.

+ Tìm hiểu và nắm bắt rõ đối thủ cạnh tranh, nghiên cứu các chính sách bán hàng của các đối thủ để đề ra các chính sách bán hàng cho phù hợp.

+ Công tác tiêu thụ phải thực sự năng động, uyển chuyển trong cơ chế bán hàng.

+ Công tác cung ứng vật tư cần phải năng động, phải có giải pháp, kế hoạch để mua được nguồn nguyên liệu ổn định, phải dự báo tương lai của thị trường và có nhiều đối tác cung ứng để có nhiều nguồn hàng có chất lượng và giá cả hợp lý, quản lý sử dụng vật tư một cách có hiệu quả.

- Công tác tài chính kế toán cần phải năng động trong quá trình tìm nguồn vốn và sử dụng vốn một cách có hiệu quả phục vụ cho công tác sản xuất kinh doanh. Phân tích đánh giá các yếu tố ảnh hưởng tới hiệu quả sản xuất kinh doanh nhanh nhạy, chính xác giúp ban lãnh đạo công ty có các quyết định đúng đắn, kịp thời trong quá trình tổ chức chỉ đạo sản xuất kinh doanh.

- Công tác khác : Cần làm tốt công tác xã hội, từ thiện để tạo nên mối đoàn kết gắn bó đối với cơ quan, nhân dân địa phương và xã hội. Đồng thời xây dựng đời sống văn hóa doanh nghiệp tốt, nâng cao tinh thần đoàn kết nội bộ đảm bảo sự phát triển ổn định của doanh nghiệp.

***Kính thưa đại hội!***

Năm 2019 còn có nhiều khó khăn, thách thức song tôi tin tưởng rằng với những thế mạnh của một doanh nghiệp với bề dày truyền thống anh hùng, với thương hiệu uy tín trên thị trường, với đội ngũ lãnh đạo, cán bộ công nhân lao động trẻ, khỏe, đoàn kết, sáng tạo, có trình độ, kinh nghiệm làm việc với tinh thần trách nhiệm cao cùng với sự ủng hộ, cổ vũ của các cổ đông chắc chắn Công ty sẽ hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019, quyết tâm xây dựng Công ty Cổ phần Xi măng Sài Sơn ngày càng phát triển.

*Xin kính chúc các đại biểu mạnh khỏe, hạnh phúc, kinh doanh thành đạt. Chúc đại hội thành công tốt đẹp.*

**TM HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**



**CHỦ TỊCH HĐQT  
NGUYỄN SỸ TIỆP**



Hà nội, ngày 07 tháng 06 năm 2019

**TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**

(Về phê chuẩn báo cáo tài chính kiểm toán năm 2018 và  
Lựa chọn tổ chức kiểm toán độc lập kiểm toán BCTC năm 2019)

**Thưa các Quý cổ đông !**

- Căn cứ luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 16/11/2014
- Căn cứ Luật chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29/06/2006 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt nam
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Cổ phần xi măng Sài sơn.
- Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2018 đã được Công ty TNHH dịch vụ tư vấn tài chính kế toán và kiểm toán (AASC) số 120319.007/BCTC.KT5 ngày 12/03/2019
- Căn cứ vào kế hoạch kinh doanh năm Công ty Cổ phần xi măng Sài sơn;

Hội đồng Quản trị Công ty kính trình Đại hội biểu quyết thông qua những nội dung sau:

1. Thông qua Báo cáo tài chính năm 2018 của công ty đã được tổ chức kiểm toán độc lập kiểm toán như bản đính kèm:
2. Thông qua việc ủy quyền cho HĐQT công ty lựa chọn một trong các công ty kiểm toán độc lập được phép kiểm toán các doanh nghiệp niêm yết tại Việt nam để thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2019:

Kính đề nghị Quý cổ đông xem xét và biểu quyết.

Xin trân trọng cảm ơn!

Nơi gửi:

- ĐHĐCĐ
- Lưu văn phòng
- Hồ sơ ĐHĐCĐTN2019



**CHỦ TỊCH HĐQT  
NGUYỄN SỸ TIỆP**

**TÓM TẮT BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2018 ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

(Kèm theo tờ trình số 01/2019/Ttr/HĐQT ngày 07/06/2019)

Bao gồm: - Bảng cân đối kế toán

- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2018	01/01/2018
			VND	VND
100	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>420.622.764.879</b>	<b>217.773.685.240</b>
110	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	3	<b>1.601.534.191</b>	<b>607.076.081</b>
111	1. Tiền		1.601.534.191	607.076.081
130	<b>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>320.600.062.548</b>	<b>152.076.169.336</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	4	107.418.360.713	116.844.213.414
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	5	196.483.790.786	15.089.382.130
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	6	20.011.151.473	23.909.410.598
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(3.313.240.424)	(3.766.836.806)
140	<b>III. Hàng tồn kho</b>	8	<b>54.198.861.345</b>	<b>33.327.304.069</b>
141	1. Hàng tồn kho		54.198.861.345	33.327.304.069
150	<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>44.222.306.795</b>	<b>31.763.135.754</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	9	1.484.927.309	26.234.317
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		42.736.848.883	31.736.901.437
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	15	530.603	-

**TÓM TẮT BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2018 ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

(Kèm theo tờ trình số 01/2019/Ttr/HĐQT ngày 07/06/2019)

Bao gồm: - Bảng cân đối kế toán

- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

(tiếp theo)

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2018	01/01/2018
			VND	VND
200	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>898.358.696.322</b>	<b>764.590.144.616</b>
210	<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>		-	<b>18.301.675.000</b>
216	1. Phải thu dài hạn khác	6	-	18.301.675.000
220	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>873.222.699.570</b>	<b>333.410.893.009</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	873.222.699.570	333.410.893.009
222	- Nguyên giá		1.043.564.738.660	454.990.210.266
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(170.342.039.090)	(121.579.317.257)
227	2. Tài sản cố định vô hình		-	-
228	- Nguyên giá		152.715.000	152.715.000
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(152.715.000)	(152.715.000)
240	<b>III. Tài sản dở dang dài hạn</b>		<b>4.661.126.943</b>	<b>391.879.653.822</b>
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	11	4.661.126.943	391.879.653.822
250	<b>IV. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	12	<b>20.000.000.000</b>	<b>19.826.000.037</b>
252	1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		-	20.000.000.000
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		20.000.000.000	-
254	3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		-	(178.999.963)
255	4. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		-	5.000.000
260	<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>474.869.809</b>	<b>1.171.922.748</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	9	474.869.809	1.171.922.748
270	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>1.318.981.461.201</b>	<b>982.363.829.856</b>



**TÓM TẮT BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2018 ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

(Kèm theo tờ trình số 01/2019/Ttr/HĐQT ngày 07/06/2019)

Bao gồm: - Bảng cân đối kế toán  
 - Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh  
 - Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

*Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018  
 (tiếp theo)*

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2018	01/01/2018
			VND	VND
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>858.207.634.826</b>	<b>708.187.990.279</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>339.588.661.138</b>	<b>203.375.427.285</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	13	64.772.907.856	60.206.600.938
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	14	85.184.233.036	108.091.936
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	1.458.435.227	1.127.490.064
314	4. Phải trả người lao động		2.986.078.901	2.344.553.778
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	16	22.549.721.217	8.044.587.051
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	17	19.516.839.332	22.373.246.333
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	18	143.120.445.569	109.170.857.185
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>518.618.973.688</b>	<b>504.812.562.994</b>
331	1. Phải trả người bán dài hạn	13	130.701.141.424	297.029.861.606
337	2. Phải trả dài hạn khác	17	-	18.301.675.000
338	3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	18	387.917.832.264	189.481.026.388
<b>Mã số</b>	<b>NGUỒN VỐN</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>31/12/2018</b>	<b>01/01/2018</b>
			<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>400</b>	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>460.773.826.375</b>	<b>274.175.839.577</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>19</b>	<b>460.773.826.375</b>	<b>274.175.839.577</b>
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		378.390.000.000	195.160.000.000
411a	<i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>		378.390.000.000	195.160.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		7.815.713.000	7.815.713.000
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		59.383.458.551	59.383.458.551
420	4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		1.811.263	1.811.263
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		15.182.843.561	11.814.856.763
421a	<i>LNST chưa phân phối lũy kể đến cuối năm trước</i>		9.860.414.173	2.660.633.611
421b	<i>LNST chưa phân phối năm nay</i>		5.322.429.388	9.154.223.152
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>1.318.981.461.201</b>	<b>982.363.829.856</b>

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc





\_\_\_\_\_  
 Vương Thị Bích Ngọc

\_\_\_\_\_  
 Phạm Tiên Hiếu

\_\_\_\_\_  
 Vương Đức Nhật



**TÓM TẮT BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2018 ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

(Kèm theo tờ trình số 01/2019/Ttr/HĐQT ngày 07/06/2019)

Bao gồm: - Bảng cân đối kế toán

- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH***Năm 2018*

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2018	Năm 2017
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	21	522.859.216.873	452.111.622.364
10	2. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		522.859.216.873	452.111.622.364
11	3. Giá vốn hàng bán	22	467.920.081.829	420.084.196.897
20	4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		54.939.135.044	32.027.425.467
21	5. Doanh thu hoạt động tài chính	23	28.778.248	582.602.495
22	6. Chi phí tài chính	24	38.657.159.069	11.101.697.036
23	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		<i>34.539.323.530</i>	<i>11.516.093.537</i>
25	7. Chi phí bán hàng		-	20.491.590
26	8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	9.412.501.363	11.982.511.791
30	9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		6.898.252.860	9.505.327.545
31	10. Thu nhập khác	26	50.030.000	12.035.620
32	11. Chi phí khác	27	167.491.445	363.140.013
40	12. Lợi nhuận khác		(117.461.445)	(351.104.393)
50	13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		6.780.791.415	9.154.223.152
51	14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	28	1.458.362.027	-
60	15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>5.322.429.388</u>	<u>9.154.223.152</u>
70	16. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	29	257	469

Vương Thị Bích Ngọc  
Người lập biểuPhạm Tiến Hiếu  
Kế toán trưởngVương Đức Nhật  
Giám đốc